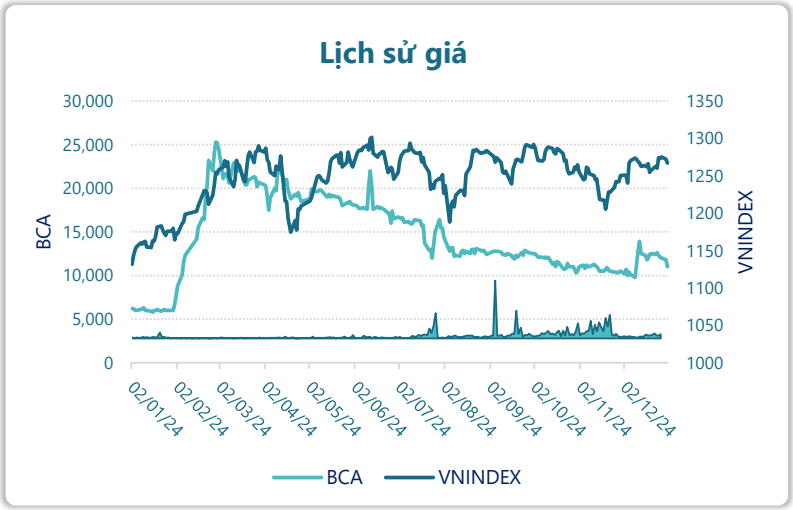
FireAnt

CTCP B.C.H (UPCOM: BCA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,800
SL cổ phiếu LH	19,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	39,490
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	209
P/E	-4.1
EPS	-2,713

DT thuần

Q4/24

1,279

tỷ VNĐ

QoQ: ▼337| -20.8%

YoY: ▼79.0| -5.8%

LN sau thuế

Q4/24

-38.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.8| -239%

YoY: ▼435| -110%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

1.7%

+/- YoY: ▼ 9.0%

DT thuần

2024

5,529

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,694| 44.2%

LN sau thuế

2024

-51.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼452| -113%

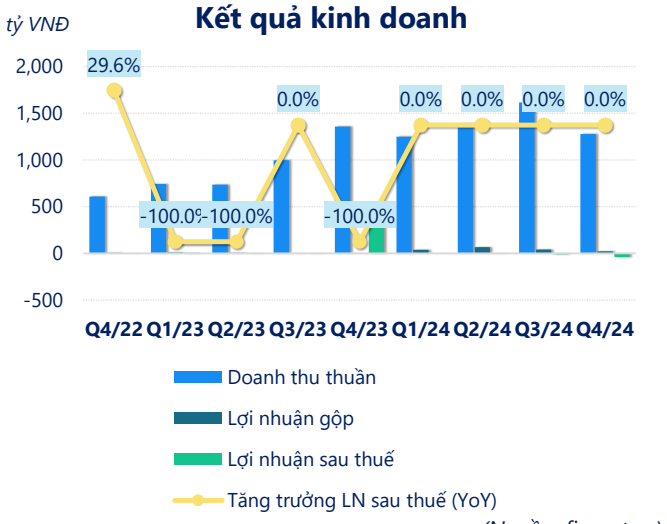
ROE

2024

-9.9%

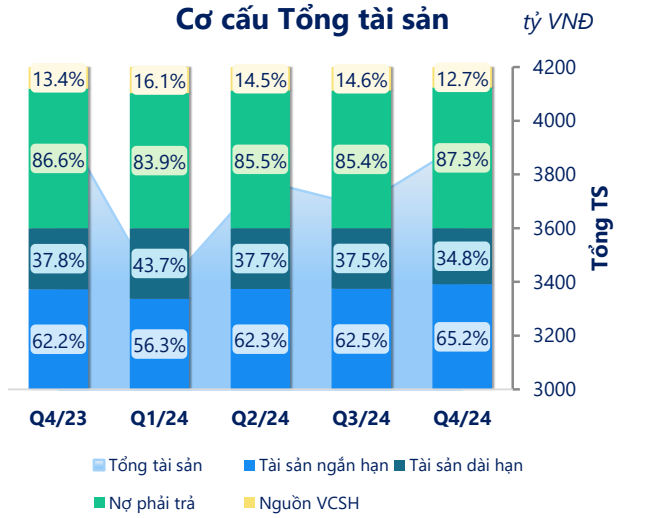
+/- YoY: ▼ 128%

Kết quả kinh doanh



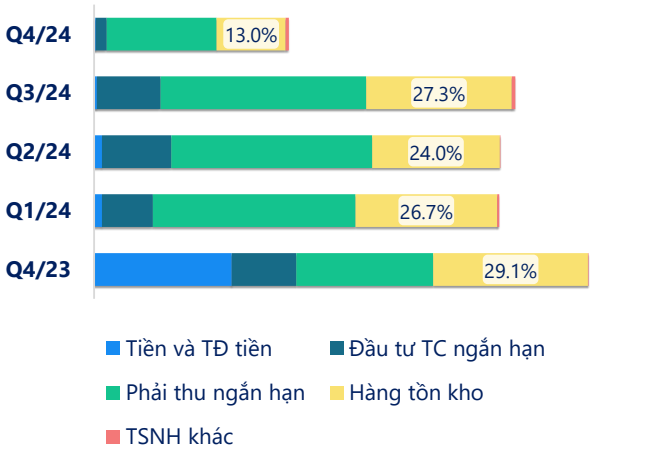
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



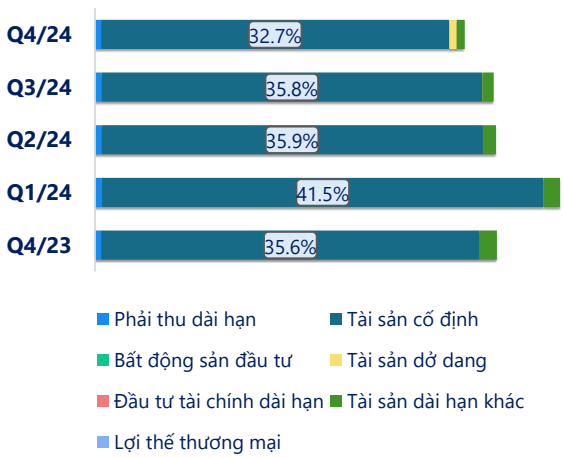
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



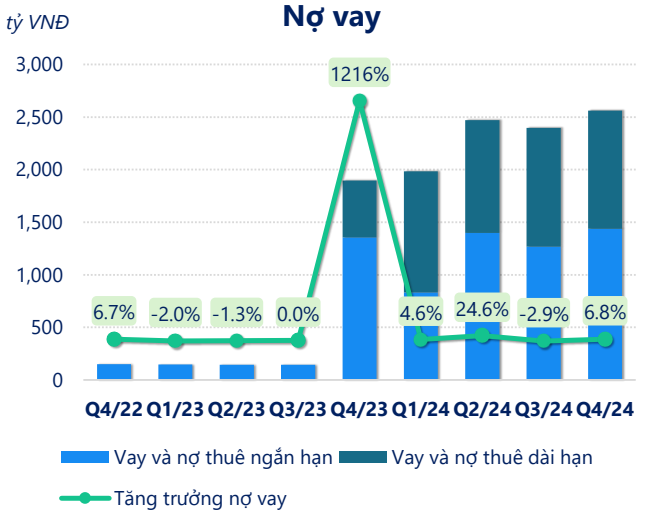
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



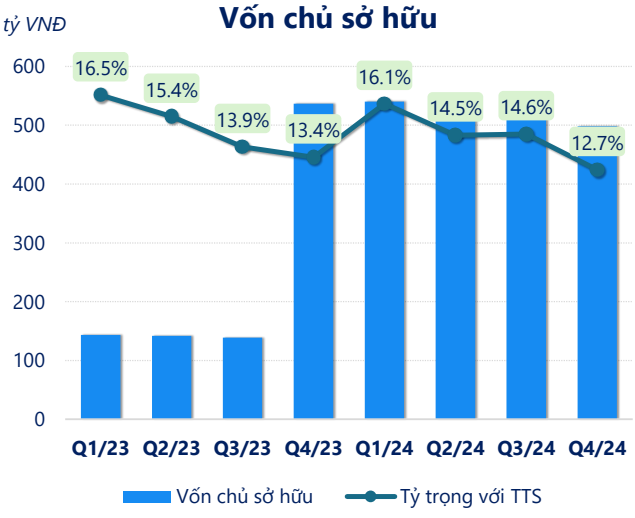
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



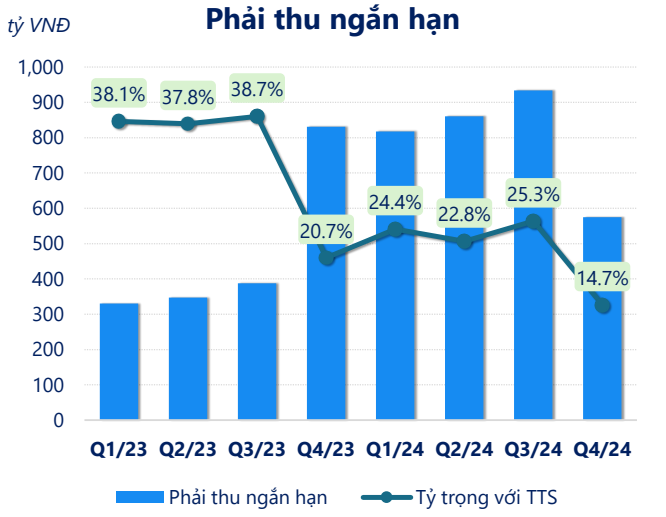
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



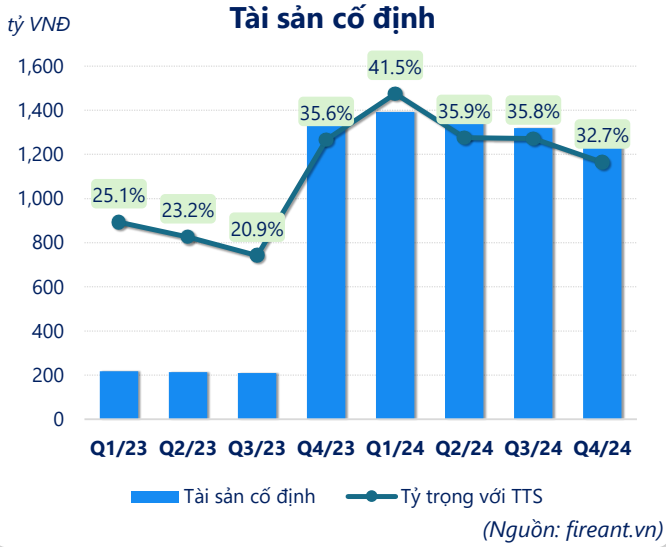
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



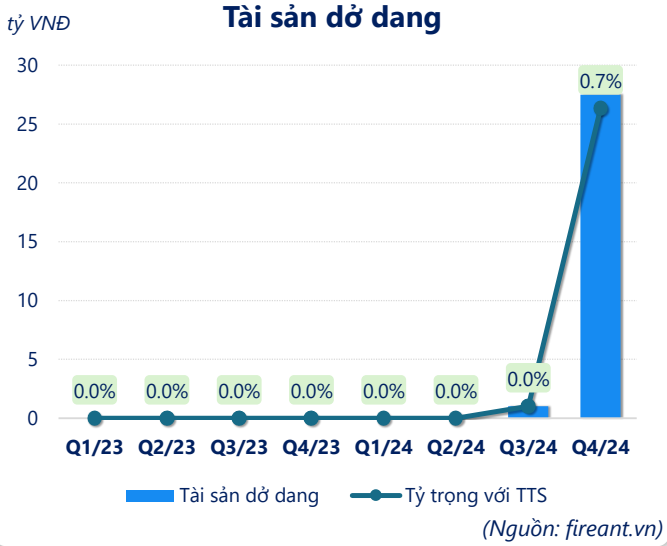
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



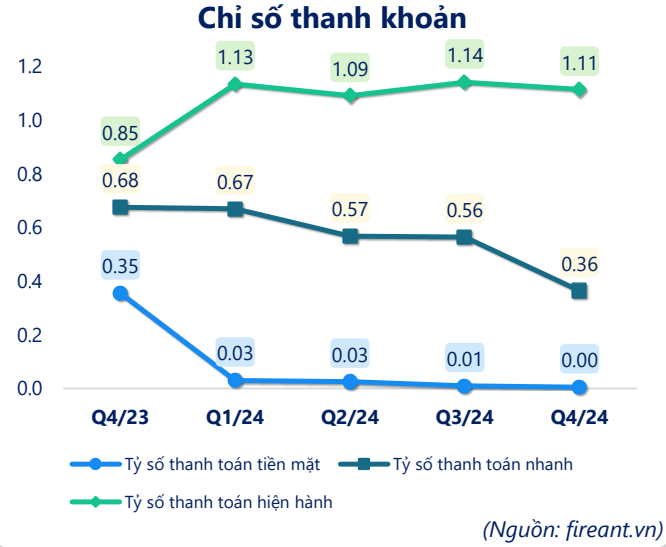
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



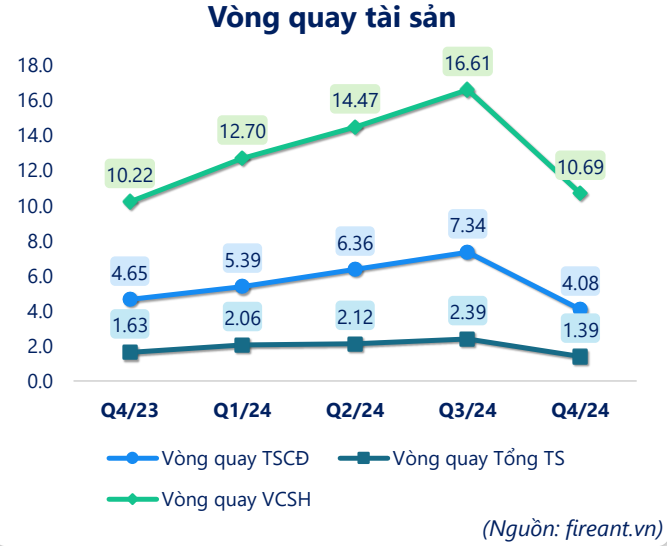
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**4,013**	**3,356**	**3,779**	**3,684**	**3,915**
Tài sản ngắn hạn	**2,496**	**1,889**	**2,354**	**2,303**	**2,553**
Tiền và tương đương tiền	1,038	50.5	55.9	19.4	11.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.8	184	243	143	143
Phải thu ngắn hạn	831	818	861	934	575
Hàng tồn kho	521	774	1,129	1,164	1,719
Tài sản ngắn hạn khác	24.2	62.7	65.6	42.7	105
Tài sản dài hạn	**1,517**	**1,467**	**1,425**	**1,381**	**1,362**
Phải thu dài hạn	22.7	22.5	22.5	22.5	22.5
Tài sản cố định	1,429	1,393	1,355	1,319	1,282
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	1.01	27.5
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	64.8	52.1	46.6	39.1	30.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,477**	**2,816**	**3,231**	**3,148**	**3,417**
Nợ ngắn hạn	**2,926**	**1,665**	**2,158**	**2,018**	**2,292**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,355	831	1,397	1,268	1,437
Phải trả người bán ngắn hạn	602	767	695	400	780
Nợ dài hạn	550	1,151	1,073	1,130	1,125
Vay và nợ thuê dài hạn	540	1,151	1,073	1,130	1,125
Nguồn vốn chủ sở hữu	**536**	**540**	**547**	**536**	**498**
Vốn chủ sở hữu	**536**	**540**	**547**	**536**	**498**
Vốn điều lệ	190	190	190	190	190
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)